

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ**  
**Về việc chọn nhà cung cấp hóa chất**

Căn cứ Thông báo số 169/TB-TTKN ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ về việc mua sắm hóa chất.

Căn cứ kết quả cuộc họp Hội đồng Khoa học Công nghệ cơ sở của Trung tâm ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ xin thông báo CÔNG TY TNHH NI VINA đạt yêu cầu trong việc lựa chọn nhà cung cấp.

Trung tâm xin thông báo để các nhà cung cấp được biết và mong muốn sẽ được hợp tác trong thời gian tiếp theo. 

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Các nhà cung cấp;
- Ban Giám đốc, các phòng;
- Phòng HCQT-TCCB;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Ngọc Liên Phương**

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM  
THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM

**NHÓM HÀNG: HÓA CHẤT**  
**Nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH NI VINA**

(Đính kèm Thông báo kết quả số 42 /TB-TTKN ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ về việc chọn nhà cung cấp hóa chất)

| Stt | Tên hàng<br>(Theo YCBG)                | Tên hàng<br>(Theo NCC báo giá)                                                                          | Công thức<br>hóa học/ Tên<br>khoa học | Quy cách<br>đóng gói    | Số<br>lượng | Tính năng<br>kỹ thuật               | Nguồn<br>gốc/<br>Xuất xứ | Hạn dùng                    | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------|-------------|-------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------|
| 1.  | 1-butane sulfonic<br>acid sodium salt  | Hóa chất: 1-Butane<br>sulfonic acid sodium<br>salt, Certified, For<br>Hplc,<br>B/4791/46,25GR/chai      | $C_4H_9NaO_3S$                        | Chai<br>(25GR/<br>chai) | 02          | Tinh khiết<br>dùng cho<br>phân tích | Thermo<br>scientific     | 03 năm kể từ<br>ngày mở nắp | Có<br>sẵn  |
| 2.  | 1-heptane sulfonic<br>acid sodium salt | Hóa chất: 1-Heptane<br>sulfonic acid sodium<br>salt, Ion pair<br>Chromatography,<br>H/0168/46,25GR/chai | $C_7H_{15}NaO_3S$                     | Chai<br>(25GR/<br>chai) | 03          | Tinh khiết<br>dùng cho<br>phân tích | Thermo<br>scientific     | 05 năm kể từ<br>ngày mở nắp | Có<br>sẵn  |



| Stt | Tên hàng<br>(Theo YCBG) | Tên hàng<br>(Theo NCC báo giá)                                                               | Công thức<br>hóa học/ Tên<br>khoa học | Quy cách<br>đóng gói     | Số<br>lượng | Tính năng<br>kỹ thuật               | Nguồn<br>gốc/<br>Xuất xứ | Hạn dùng                                               | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------|-------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------|------------|
| 3.  | Acid phosphoric         | Hóa chất:<br>Orthophosphoric<br>Acid, 85+%, For<br>Analysis,,<br>O/0500/PB15,<br>1LT/chai    | $H_3PO_4$                             | Chai<br>(1LT/<br>chai)   | 01          | Tinh khiết<br>dùng cho<br>phân tích | Thermo<br>scientific     | 03 năm kể từ<br>ngày mở nắp<br>Ngày test<br>13/03/2025 | Có<br>sẵn  |
| 4.  | Amoni acetat            | Hóa chất: Amonium<br>acetat, For Analysis,<br>A/3440/60,1KG/chai                             | $C_2H_7NO_2$                          | Chai<br>(1KG/<br>chai)   | 01          | Tinh khiết<br>dùng cho<br>phân tích | Thermo<br>scientific     | 02 năm kể từ<br>ngày mở nắp                            | Có<br>sẵn  |
| 5.  | Amoni clorid            | Hóa chất: Amonium<br>Chloride, 99+%,<br>Extra Pure, Slr,<br>A/3880/53,500GR/<br>chai         | $NH_4Cl$                              | Chai<br>(500GR/<br>chai) | 01          | Tinh khiết<br>dùng cho<br>phân tích | Thermo<br>scientific     | 02 năm kể từ<br>ngày mở nắp                            | Có<br>sẵn  |
| 6.  | Kali<br>dihydrophosphat | Hóa chất: Potassium<br>Dihydrogen<br>Orthophosphate, For<br>Analysis, P/4800/60,<br>1KG/chai | $KH_2PO_4$                            | Chai<br>(1KG/<br>chai)   | 03          | Tinh khiết<br>dùng cho<br>phân tích | Thermo<br>scientific     | 05 năm kể từ<br>ngày mở nắp                            | Có<br>sẵn  |

| Stt | Tên hàng<br>(Theo YCBG)                                             | Tên hàng<br>(Theo NCC báo giá)                                                                    | Công thức<br>hóa học/ Tên<br>khoa học | Quy cách<br>đóng gói   | Số<br>lượng | Tính năng<br>kỹ thuật               | Nguồn<br>gốc/<br>Xuất xứ | Hạn dùng                    | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------|-------------|-------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------|
| 7.  | Oxy già/Hydrogen<br>peroxyd 100 tt<br>(hydrogen peroxyd<br>đậm đặc) | Hóa chất: Hydrogen<br>peroxide<br>30%W/V,100<br>Volumes, SLr Extra<br>Pure,H/1750/15,<br>1LT/chai | H <sub>2</sub> O <sub>2</sub>         | Chai<br>(1LT/<br>chai) | 01          | Tinh khiết<br>dùng cho<br>phân tích | Thermo<br>scientific     | 02 năm kể từ<br>ngày mở nắp | Có<br>sẵn  |

**Tổng số: 07 mặt hàng.**



